TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Số : 01/2025/QĐST – HNGĐ	*K, ngày 21 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

(Về việc yêu cầu xác định cha cho con)

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán: - *Chủ tọa phiên họp*: Bà Trần Thị Khanh.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên họp*: Bà Phạm Thị Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2024/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc: "*Yêu cầu xác định cha cho con"* theo quyết định mở phiên họp số 01/2024/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 và Quyết định Hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2025/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1994; Địa chỉ: Phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Ninh Bình và anh Trần Văn S, sinh năm 1990. Địa chỉ: Xóm F, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Người liên quan: Anh Nguyễn Tiến T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Số nhà C, đường H, phố L, phường N, thành phố N.

Tại phiên họp có mặt chị N, anh S. Vắng mặt anh T, anh T vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, đơn đề bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ việc, người yêu cầu là chị Phạm Thị N và anh Trần Văn S cùng thống nhất lời trình bày: Chị Phạm Thị N và anh Trần Văn S có quan hệ tình cảm từ năm 2020, sau đó chị N mang thai cháu Nguyễn Phạm Đức A, do chị N và anh S có hiểu lầm và phát sinh mâu thuẫn nên anh chị chia tay nhau, chị N đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Tiến T và cháu Nguyễn Phạm Đức A được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp của chị N với anh Nguyễn Tiến T. Do cuộc sống chung của chị N và anh T đã phát sinh mâu thuẫn. Tháng 8 năm 2022 anh T và chị N đã làm các thủ tục ly hôn tại Tòa ánh nhân dân thành phố N. Tại Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 85/2022/QĐST – HNGĐ

ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình đã công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Tiến T, không giải quyết về vấn đề con chung của hai vợ chồng. Mặc dù cháu Đức A sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của chị N với anh T nhưng cháu là con cùng huyết thống với anh Trần Văn S. Kết quả xét nghiệm ADN số 240821.75.1 ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Công ty Cổ phần C đã kết luận anh Trần Văn S có quan hệ huyết thống cha con với cháu Nguyễn Phạm Đức A với xác suất 99,9999%. Nay chị N và anh S đề nghị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xác định anh Trần Văn S có quan hệ huyết thống với cháu Nguyễn Phạm Đức A là con quan hệ cha đẻ con đẻ.

Tại đơn đề nghị không có ngày của anh Nguyễn Tiến T trình bày: Anh Nguyễn Tiến T và chị Phạm Thị N đã được pháp luật công nhận là vợ chồng và sinh ra cháu Nguyễn Phạm Đức A sinh ngày 18 tháng 1 năm 2022 tại Bệnh viện Sản nhi tỉnh N, trong thời gian cô N sinh đẻ hơn ba tháng gia đình anh vẫn tin cháu Đức A là con của anh T và là cháu của gia đình nên anh em thay nhau chăm sóc hai mẹ con chị N, nộp tiền viện phí, chăm nom ốm lúc ốm đau và lúc mới sinh. Trong thời gian mới sinh cháu Đức A rất yếu, phải nằm lồng kính và không ai đến nhận cháu là con cùng dòng máu. Khi kiểm tra xét nghiệm côvid cả gia đình mới biết cháu Đức A không phải là con của anh T. Do có sự lừa dối và xúc phạm anh nên anh và chị N đã thuận tình ly hôn, từ đó đến nay cũng không có ai đến nhận con cháu, chị N cũng chưa một lần nói đến tiền viện phí cũng như công chăm sóc hai mẹ con chị N. Anh mong Tòa án giải quyết công bằng cho anh.

Anh T sau đó đã vắng mặt tại phiên họp dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự và và tại phiên họp Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết việc dân sự: Căn cứ Điều; Điều 149: khoản 2 Điều 367; 369 Các điều 370, 371, 372 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 88, 101 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Phạm Thị N và anh Trần Văn S. Xác định anh Trần Văn S có quan hệ huyết thống với cháu Nguyễn Phạm Đức A sinh ngày 18 tháng 01 năm 2022 là con quan hệ cha đẻ con đẻ.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn S1 không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp. Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị N và anh Trần Văn S có đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc: Xác định cha cho con. Anh Trần Văn S có nơi cư trú: Xóm F, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm t, khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên họp có mặt chị N, anh S, vắng mặt anh T, anh T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên Tòa án nhân huyện K, tỉnh Ninh Bình vẫn tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh Nguyễn Tiến T theo quy định tại khoản 2 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung yêu cầu xác định cha cho con: Căn cứ lời khai của chị N và anh S đều xác định anh chị có quan hệ tình cảm và có thai cháu Nguyễn Phạm Đức A thời gian sau đó chị kết hôn với anh T, nên cháu Đức A được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp của chị N với anh T, chị N và anh S đều xác định cháu Đức A là con cùng huyết thống với anh S. Bản thân anh T cũng thừa nhận sau quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và anh T và chị N làm thủ tục thuận tình ly hôn, anh T và gia đình cũng biết việc cháu Đức A không phải con cùng huyết thống với anh.

Căn cứ Kết quả xét nghiệm ADN số 240821.75.1 ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Công ty Cổ phần C do chị N và anh S giao nộp cho Tòa án đã kết luận "*anh Trần Văn S có quan hệ huyết thống cha con với cháu Nguyễn Phạm Đức A với xác suất 99,9999%.*"

Căn cứ vào Kết luận giám định số 477/ KL – KTHS ngày 28 tháng 11 năm 2024 của V Bộ C1 đã kết luận "*Anh Trần Văn S và cháu Nguyễn Phạm Đức A có quan hệ huyết thống cha đẻ, con đẻ*"

Do vậy căn cứ vào lời khai của các đương sự, kết quả xét nghiệm ADN, kết luận giám định đủ căn cứ xác định anh Trần Văn S là cha đẻ của cháu Nguyễn Phạm Đức A sinh ngày 18 tháng 1 năm 2022. Yêu cầu xác định cha cho con của chị Phạm Thị N và anh Trần Văn S là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

3. Về lệ phí: Chị Phạm Thị N và anh Trần Văn S không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 149: khoản 2 Điều 367; các điều 369, 372 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 88, 101 Luật Hôn nhân gia đình. Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Phạm Thị N và anh Trần Văn S

Xác định anh Trần Văn S, sinh năm 1990. Địa chỉ: Xóm F, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình có quan hệ huyết thống với cháu Nguyễn Phạm Đức A sinh ngày 18 tháng 1 năm 2022 là con quan hệ cha đẻ con đẻ.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Phạm Thị N và anh Trần Văn S phải không phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định được giao cho họ hoặc được niêm yết yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định này trong hạn 10 ngày. Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND thị trấn T, UBND xã K.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Trần Thị Khanh